

Bản án số: 118/2026/HS-PT

Ngày: 08-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán:

Ông Phan Thanh Hải

Ông Trần Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2026/TLPT-HS ngày 08/6/2026 đối với bị cáo Võ Văn L do có kháng cáo của bị cáo và của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2026/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Võ Văn L (tên gọi khác là Q, L), sinh ngày 19/02/1998, tại Cà Mau; số CCCD: 096098001168; nơi thường trú: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau; chỗ ở khác: Phòng số 23, cơ sở trọ B, ấp Bà T, xã P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn L1 và bà Trần Kiều T1; vợ tên Lê Thị Kim Y, chưa có con; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 21/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, nộp xong phần án phí hình sự sơ thẩm ngày 19/4/2021, chấp hành xong ngày 20/3/2022; tiền sự: Không; vợ tên Lê Thị Kim Y và có 01 con; nhân thân: (1) Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2013/HS-ST ngày 14/11/2013, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù và nộp xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 01/9/2015); (2) Tại Quyết định số 41/2018/QĐ-TA ngày 06/4/2018, Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 16 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 15/02/2019. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1995; số CCCD: 096090005919 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã S, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 31/7/2023, Đoàn Thị Chúc L2, Nguyễn Hoàng N (T), Võ Văn P, Lê Văn Đ, Võ Văn L3, Võ Văn L đến quán nhậu “Cô L4” ở ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Đ, xã Đ, tỉnh Cà Mau) để nhậu. Đến khoảng 00 giờ 00 phút ngày 01/8/2023, Nguyễn Ngọc T2 đến rước L2 về nhưng L không đồng ý. Thấy L2 đã say nên T2 nói với L “Cung ơi, cho chế của chế về đi, chế mệt”. L không đồng ý việc T2 gọi L bằng “cung” nên xảy ra cự cãi và xô xát với T2 nhưng được L2 can ngăn. T2 gọi điện cho Phạm Hải T3 đến để can thiệp, khi đến T3 hỏi T2 “Thằng nào đánh”, T2 chỉ vào L nói “Thằng đó đánh em”. Lúc này T3 xông vào đánh nhau với L, T2 nhặt vỏ chai bia ném trúng vào người L, L cầm cây kéo đâm vào mặt T2 làm T2 bị thương và té xuống nền quán, L tiếp tục xông vào dùng kéo đâm nhiều cái trúng đầu trên cánh tay phải, nách bên phải và đánh T2 nhiều cái vào người, sau đó lên xe bỏ đi. T2 được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh C điều trị đến ngày 15/8/2023 xuất viện. Ngày 03/8/2023, T2 có đơn yêu cầu xử lý đối với Võ Văn L.

Tại Bản kết luận giám định số 208/KL-KTHS ngày 22/9/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh C, đối với Nguyễn Ngọc T2, kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Ngọc T2 tại thời điểm giám định là 19%, thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn, vật nhọn gây ra. Gãy xương chĩnh mũi do vật tày, vật tày có cạnh gây ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2026/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau đã quyết định: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 47.402.800 đồng. Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 11/5/2026, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 25/5/2026, bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và bồi thường thêm 66.180.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo xin rút đơn kháng cáo; Bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị: Áp dụng Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo L; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại bà T2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm 51/2026/HS-ST ngày 28/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau về phần trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo L có nghĩa bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà T2 với tổng số tiền là 76.186.839 đồng, được khấu trừ 20.000.000 đồng phía bị cáo đã khắc phục, còn lại 56.186.839 đồng bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục phải bồi thường.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị giải quyết kháng cáo của bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn L tự nguyện rút đơn kháng cáo, căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

[2] Bị cáo Võ Văn L thừa nhận hành vi phạm tội, cụ thể: Ngày 01/8/2023, tại ấp Đ, xã Đ, tỉnh Cà Mau, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân và đã sử dụng rượu bia, Võ Văn L đã có hành vi dùng cây kéo bằng kim loại là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bà Nguyễn Ngọc T2 với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 19%. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau đã xét xử bị cáo L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật là có căn cứ.

[2] Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo gây thương tích cho người khác vi phạm pháp luật hình sự, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt theo quy định.

[3] Xét kháng cáo của bị hại:

[3.1] Về phần hình phạt đối với bị cáo:

Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét đầy đủ và toàn diện tính chất của vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Đã bồi thường được một phần thiệt hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có một tiền án chưa được xóa, nay lại phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo đầu thú nhưng không được cấp sơ thẩm xác định là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có thiếu sót. Tuy nhiên, với mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là tương xứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T2 kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng không xác định được tình tiết tăng nặng nào mới. Do đó, kháng cáo của bà T2 về phần hình phạt đối với bị cáo không được chấp nhận.

[3.2] Về phần trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T2 vắng mặt nhưng quá trình điều tra có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe với tổng số tiền 67.402.839 đồng (đ) được bị cáo đồng ý. Cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền này của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T2 kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường thêm tổng số tiền 66.810.000đ (không bao gồm 20.000.000đ bị cáo đã khắc phục), bao gồm: Tổn thất tinh thần 40.680.000đ (tương đương với 20 tháng lương tối thiểu); Tiền mất thu nhập trong thời gian nằm viện và sau khi ra viện tổng cộng là 45 ngày với số tiền 22.500.000đ; T4 gửi con cho người khác nuôi 15 ngày là 3.000.000đ. Phía bị cáo đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ điều trị bệnh do bà T2 cung cấp có trong hồ sơ, đối chiếu với quy định của pháp luật dân sự, cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại các khoản thiệt hại, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại, gồm: (1) Chi phí đi lại 3.000.000đ; (2) Chi phí khám chữa bệnh 18.402.839đ; (3) Mất thu nhập của bị hại 2.707.000đ (gồm: 15 ngày nằm viện x (4.140.000đ/26 ngày lương tối thiểu vùng (theo Nghị định số 293 ngày 10/11/2025 của Chính phủ) = 2.388.500đ; 02 ngày tái khám x (4.140.000đ/26 ngày lương tối thiểu vùng)) = 318.500đ); (4) Mất thu nhập của người nuôi bệnh 2.388.500đ (15 ngày nuôi bệnh); (5) Tổn thất tinh thần 25.300.000đ (10 tháng lương cơ bản); (6) Chi phí bồi dưỡng sức khỏe của bị hại 2.388.500đ (01 ngày lương tối thiểu vùng x 15 ngày); (7) Chi phí phục hồi sức khỏe 5.000.000đ; (8) Chi phí thẩm mỹ 16.000.000đ; (9) Chi phí thuê người trông con 1.000.000đ. Tổng số tiền phải bồi thường là 76.186.839đ, được khấu trừ 20.000.000đ phía bị cáo đã khắc phục, còn lại 56.186.839đ.

Đối với các chi phí phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm, bà T2 có yêu cầu sẽ được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nếu hai bên không thương lượng hoặc thỏa thuận được với nhau.

[4] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau được chấp nhận.

[5] Do sửa án sơ thẩm, nên bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bà T2 được miễn nộp án phí dân sự đối với phần không được chấp nhận. Số tiền bị cáo có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm được điều chỉnh lại cho phù hợp với số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 342, Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Võ Văn L;

1.2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Ngọc T2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2026/HS-ST ngày 28/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau về phần trách nhiệm dân sự.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các điều 584, 590 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Võ Văn L phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà Nguyễn Ngọc T2 tổng số tiền là 56.186.839 (năm mươi sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi chín) đồng.

Bà T2 được quyền nhận 10.000.000 (mười triệu) đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau do bị cáo nộp khắc phục theo Biên lai thu tiền số 0000801 ngày 28/4/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4.1. Bà T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Bị cáo phải chịu 2.809.342 (hai triệu tám trăm lẻ chín nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3-CM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-CM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-CM;
- Công an xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế